

Uông Bí, ngày 5 tháng 1 năm 2024

BIÊN BẢN

**V/v niêm yết công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách quý 4 năm 2023
của trường MN Thanh Sơn**

Căn cứ vào Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 09 /QĐ-MNTS ngày 5/1/2024 của trường mầm non Thanh Sơn về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách quý 4 năm 2023.

Hôm nay, vào hồi 15h30' ngày 05/01/2024, Trường MN Thanh Sơn gồm:

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, GV, NV nhà trường: 41/40 (01 ĐC giáo viên nghỉ thai sản)
- Chủ trì: Đ/C Nguyễn Thị Thanh Huyền - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện BCHCĐ: Đ/C Nguyễn Thị Nga - Chức vụ: Hiệu phó - Chủ tịch CĐ trường
- Đại diện Ban TTND: Đ/C Đặng Thị Nhân - Chức vụ: Trưởng ban TTND
- Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thị Thu Hương - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/C Lê Thanh Thảo - Chức vụ: GV- Thư ký HĐ

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai thu, chi nguồn ngân sách quý 4/2023 (có phụ lục văn bản chi tiết kèm theo)

2.2. Thời gian niêm yết kể từ ngày 05/01/2024 đến hết ngày 31/03/2024.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng Thông báo của Trường MN Thanh Sơn, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai dự toán thu, chi ngân sách quý 4 năm 2023 của Trường MN Thanh Sơn, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua Đ/C Đặng Thị Nhân - Chức vụ:

Giáo viên, Trưởng ban TTND) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của Trường MN Thanh Sơn thực hiện việc bảo đảm an toàn bản công khai chi ngân sách quý 4/2023 của Trường MN Thanh Sơn từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 16h00 cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán.

THƯ KÝ

KẾ TOÁN

TRƯỞNG BAN
TTND

ĐẠI DIỆN BCHCĐ
CHỦ TỊCH

CHỦ TRÌ
HIỆU TRƯỞNG



Lê Thanh Thảo



Phạm TThu Hương



Đặng Thị Nhân



Nguyễn Thị Nga



Nguyễn Thanh Huyền

PHÒNG GD&ĐT TP UÔNG BÍ
TRƯỜNG MN THANH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06^b/QĐ-MNTS

Uông Bí, ngày 5 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai thực hiện dự toán Thu - chi ngân sách quý 4 năm 2023
của Trường MN Thanh Sơn**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố thành phố Uông Bí "V/v giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Uông Bí về việc giao dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn về việc công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách quý 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách 4 năm 2023 của trường Mầm non Thanh Sơn (theo biểu 03 đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;

- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh sơn, ngày 5 tháng 1 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý 4 năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4,310,420,760	4,310,420,760	1.00	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4,310,420,760	4,310,420,760	1.00	
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Đơn vị: Trường MN Thanh Sơn
Chương: 622

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5,054,903,960	4,895,617,164	1.96	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4,310,420,760	4,155,769,012	0.96	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	744,483,200	739,848,152	1.0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Đơn vị: Trường *MIN THANH SEN*
Chương: 622

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chỉ quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày .5... tháng .4... năm 2024 .

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thị Thanh Huyền

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 4 Năm 2023

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chỉ		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	0	744.483.200	744.483.200	744.483.200	739.848.152	739.848.152	0	0	0	4.635.048
13	071	00000	0	4.251.440.000	4.310.420.760	4.310.420.760	4.310.420.760	4.155.769.012	4.155.769.012	0	0	0	154.651.748
Cộng:			0	4.251.440.000	5.054.903.960	5.054.903.960	5.054.903.960	4.895.617.164	4.895.617.164	0	0	0	159.286.796
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

Số: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn
Mã ĐVQHNS: 1101850
Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 08/01/2024 15:03:19
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Ưông Bí - Quảng
Ninh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 4 Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	1.881.055.181	1.881.055.181	1.881.055.181	1.881.055.181
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	32.330.256	32.330.256	32.330.256	32.330.256
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	642.167.895	642.167.895	642.167.895	642.167.895
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	1.434.000	1.434.000	1.434.000	1.434.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	267.132.481	267.132.481	267.132.481	267.132.481
Chi khác	13	071	6299	00000	0	0	14.935.000	14.935.000	14.935.000	14.935.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	422.330.717	422.330.717	422.330.717	422.330.717
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	72.399.549	72.399.549	72.399.549	72.399.549
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	53.772.850	53.772.850	53.772.850	53.772.850
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	24.133.184	24.133.184	24.133.184	24.133.184
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	68.882.422	68.882.422	68.882.422	68.882.422
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	43.391.600	43.391.600	43.391.600	43.391.600
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	43.620.000	43.620.000	43.620.000	43.620.000
Khoán văn phòng phẩm	13	071	6553	00000	0	0	7.400.000	7.400.000	7.400.000	7.400.000

Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	5.389.077	5.389.077	5.389.077	5.389.077
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	071	6608	00000	0	0	10.165.700	10.165.700	10.165.700	10.165.700
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	071	6701	00000	0	0	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Phụ cấp công tác phí	13	071	6702	00000	0	0	900.000	900.000	900.000	900.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	071	6703	00000	0	0	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	9.600.000	9.600.000	9.600.000	9.600.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	10.895.000	10.895.000	10.895.000	10.895.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	37.515.000	37.515.000	37.515.000	37.515.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	071	7004	00000	0	0	7.505.000	7.505.000	7.505.000	7.505.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	280.276.500	280.276.500	280.276.500	280.276.500
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	13.935.000	13.935.000	13.935.000	13.935.000
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	071	7757	00000	0	0	3.537.600	3.537.600	3.537.600	3.537.600
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	144.990.000	144.990.000	144.990.000	144.990.000
Phụ cấp khác	12	071	6149	00000	0	0	14.028.152	14.028.152	14.028.152	14.028.152
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	12	071	6156	00000	0	0	4.200.000	4.200.000	4.200.000	4.200.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	071	6157	00000	0	0	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000
Vật tư văn phòng khác	12	071	6599	00000	0	0	9.165.000	9.165.000	9.165.000	9.165.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	12	071	6608	00000	0	0	9.275.000	9.275.000	9.275.000	9.275.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	680.700.000	680.700.000	680.700.000	680.700.000
Chi các khoản khác	12	071	7799	00000	0	0	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000
Cộng:					0	0	4.895.617.164	4.895.617.164	4.895.617.164	4.895.617.164
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 8 tháng 1 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Xuân Quang

Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 08/01/2024 15:03:19
Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: KBNN Tổng cục Thuế Quốc gia

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 1 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phạm Thị Thu Hương
Ngày ký: 05/01/2024 14:20:30
Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn

Phạm Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thanh Huyền